TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/DS-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Côn – Kiểm sát viên.

Ngày 22-10-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2019/TLST- TCDS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-TCDS ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-TCDS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân V; địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1957 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bị đơn: Anh Mai Văn Th, sinh năm 1988 và chị Bùi Thị E, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 5, xã HV, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn B (Mai Văn C), sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967;

- Anh Mai Văn T, sinh năm 1996

- Ông Mai Văn G, sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Xóm 5, xã HV, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt ông H; vắng mặt anh Th, chị E, ông B, bà D, anh T, ông G, bà K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-5-2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân V (Quỹ tín dụng) trình bày:

Ngày 15-3-2017, vợ chồng anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E vay vốn tại Quỹ tín dụng theo hợp đồng cho vay số 138/HĐCV; số tiền vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); mục đích vay: Mua xe ô tô taxi chở khách; thời hạn cho vay là 24 tháng (từ ngày 15-3-2017 đến hết ngày 15-03-2019); lãi suất cho vay: Trung hạn. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ cH ông Mai Văn B, bà Nguyễn Thị D là bố mẹ đẻ anh Th cùng anh Th, chị E ký hợp đồng thế chấp số 22/HĐTC ngày 14-03-2017 bảo lãnh cho khoản vay của anh Th, chị E. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 10, diện tích 248m^2 (loại đất CLN), đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W875081, ngày 01-12-2003, mang tên hộ ông Mai Văn C (đính chính ở mặt sau là Mai Văn B) và các tài sản khác gồm: một nhà ở cấp bốn 80 m^2; công trình phụ 30 m^2. Về phần nhà ở cấp bốn và công trình phụ của hộ ông B, bà D tuy không nằm trên diện tích đất thế chấp mà nằm trên diện tích đất khác cũng thuộc quyền sử dụng của hộ ông B nhưng các bên vẫn thỏa thuận đưa phần công trình vào tài sản thế chấp mục đích để ràng buộc trách nhiệm trả nợ của khách hàng vay. Trước khi ký hợp đồng thế chấp, Quỹ tín dụng đã thẩm định và định giá tài sản tại thời điểm thế chấp, có xác nhận của các bên trong hợp đồng thế chấp và đại diện Ủy ban nhân dân xã HV.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh Th, chị E trả lãi cho Quỹ tín dụng từ khi vay đến hết ngày 01-02-2018 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Sau đó, anh Th, chị E bỏ đi làm ăn xa, không trả lãi và gốc, chủ động cắt đứt mọi liên lạc với Quỹ tín dụng. Quỹ tín dụng đã nhiều lần đến gia đình vận động, mời các bên có liên quan đến làm việc tại Ủy ban nhân dân xã HV nhưng anh Th, chị E không có mặt; ông B, bà D chỉ xin khất nợ cho con mà không có phương án trả nợ thay cho anh Th, chị E.

Ngoài ra, trong khi đang thực hiện hợp đồng thế chấp, ông B, bà D, anh Th, chị E đã tự ý để ông Mai Văn G (anh trai ông B) xây dựng một lán dại lợp proximang diện tích khoảng 6 m^2 trên phần đất đã thế chấp mà không được sự đồng ý của Quỹ tín dụng là vi phạm hợp đồng thế chấp nên Quỹ tín dụng không chịu trách nhiệm đối với phần công trình này.

Nay Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Th, chị E phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền vay gốc là 300.000.000đ và khoản lãi tính từ ngày 01-02-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 83.107.000đ (lãi trong hạn 58.085.000đ, lãi quá hạn 25.022.000đ), tổng cộng 383.107.000đ. Trường hợp anh Th, chị E không có

khả năng B toán nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10, diện tích 248m^2 (CLN) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Mai Văn C để bảo đảm cho khoản nợ trên. Quỹ tín dụng không đề nghị xử lý tài sản nhà ở cấp bốn và công trình phụ của hộ ông B, bà D do phần công trình này hiện cả gia đình ông B đang sinh sống và không nằm trên phần đất đã thế chấp tại Quỹ tín dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th, chị E, ông B, bà D, anh T không có mặt tại địa phương. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho anh Th, chị E, ông B, bà D, anh T bằng thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tài liệu sau: Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện, các tài liệu bên phía nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện; Quyết định xem xét thẩm định, Biên bản xem xét thẩm định thực địa; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, anh Th, chị E, ông B, bà D và anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiên của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-9-2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn G trình bày: ông là anh trai của ông B, hiện nay ông B, bà D đi làm tại Hà Nội, ông G không biết địa chỉ cụ thể. Vợ cH anh Th, chị E, anh T hiện đang ở đâu ông G không biết. Đối với lán dại xây bi lợp proximang trên diện tích đất vườn của hộ ông B là do vợ cH ông G, bà K xây không phải để chăn nuôi mà mục đích để đun bếp củi khi gia đình có công việc lớn. Đến nay, Tòa án thông báo về phần nhà tạm trên của ông G, bà K xây trên phần đất của hộ ông B đang thế chấp tại Quỹ tín dụng, ông G nhất trí tháo dỡ phần công trình này và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án. Ngoài ra, ông G không có ý kiến gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị K là vợ ông G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có lời khai ghi ý kiến của mình nộp cho Tòa án và không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của bà K.

Tại phiên tòa, anh Th, chị E, ông B, bà D, anh T, bà K vắng mặt lần hai không có lý do; ông G vắng mặt đã có ý kiến xin vắng mặt; Quỹ tín dụng V vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập

chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, tống đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông B, bà D, anh T không có mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa xét xử của Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là chưa có ý thức chấp hành pháp luật theo các quy định tại các Điều trên.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc vợ cH anh Th, chị E phải trả nợ cho Quỹ tín dụng số tiền vay gốc là 300.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01-02-2018 đến ngày 22-10-2019 là 83.107.000d (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn), tổng cộng 383.107.000đ. Trong trường hợp anh Th, chị E không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10, diện tích 248m^2 (CLN) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Mai Văn C (B) để bảo đảm cho khoản nợ trên. Nếu tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ thì còn phải tiếp tục trả cho đến khi B toán hết các khoản nợ gốc và lãi. Buộc vợ cH ông G, bà K phải tháo dỡ phần lán dại xây bi, lợp proximang diện tích 6 m^2 xây trái phép trên phần đất ông B, bà D đã thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E, ông Mai Văn B, bà Nguyễn Thị D và anh Mai Văn T, bà Hoàng Thị K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Ông Mai Văn G vắng mặt đã có đề nghị xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh Th, chị E, ông B, bà D, anh T, ông G và bà K là phù hợp.

[2] Xét hợp đồng tín dụng số 138/HĐCV ngày 15-3-2017 giữa Quỹ tín dụng và vợ chồng anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E và hợp đồng thế chấp tài sản số 22/HĐTC ngày 14/03/2017 giữa Quỹ tín dụng và vợ chồng ông Mai Văn B, bà Nguyễn Thị D, anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E thì thấy: Tại thời điểm ký hợp đồng, Quỹ tín dụng là pháp nhân có đăng ký kinh doanh, vợ chồng anh Th, chị E,

ông B, bà D có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh, tăng thu nhập của doanh nghiệp và gia đình; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Do đó, đồng tín dụng số 138/HĐCV ngày 15-3-2017 giữa Quỹ tín dụng và vợ cH anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E và hợp đồng thế chấp tài sản số 22/HĐTC ngày 14-3-2017 giữa Quỹ tín dụng và vợ chồng ông Mai Văn B, bà Nguyễn Thị D, anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E và các văn bản bộ phận kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

Riêng đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 22/HĐTC ngày 14-3-2017: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất thế chấp (năm 2003), hộ ông B, bà D gồm 4 khẩu: ông B, bà D, anh Th và anh T. Mặc dù quyền sử dụng đất đã thế chấp cấp cho hộ gia đình ông Mai Văn B nhưng khi cấp anh T mới chỉ 6 tuổi chưa có đóng góp gì đối với tài sản này của ông B, bà D. Do vậy, việc anh T không tham gia ký hợp đồng thế chấp cũng không ảnh hưởng gì đến hiệu lực của hợp đồng thế chấp.

[3] Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng đối với vợ chồng anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E thì thấy:

Theo hợp đồng tín dụng số 138/HĐCV ngày 15-3-2017 giữa Quỹ tín dụng và các hóa đơn chứng từ do Quỹ tín dụngxuất trình: Ngày 15-3-2017, Quỹ tín dụng đã ký giải ngân cho anh Th, chị E vay số tiền 300.000.000đ; lãi suất 0,9%/tháng ; thời hạn vay 24 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Th, chị E chưa trả tiền vay gốc, đã trả lãi cho Quỹ tín dụng đến hết ngày 01-02-2018. Từ đó đến nay, hợp đồng đã hết hạn, anh Th, chị E không trả lãi theo hợp đồng, không trả nợ gốc khi đến hạn là vi phạm các điều khoản mà hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu của Quỹ tín dụng về việc buộc vợ chồng anh Th, chị E phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền vay gốc là 300.000.000đ và khoản lãi tính từ ngày 01-02-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 83.107.000đ (lãi trong hạn 58.085.000đ, lãi quá hạn 25.022.000đ), tổng cộng 383.107.000đ là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay của anh Th, chị E; ông B, bà D là bố mẹ đẻ anh Th đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 10, diện tích 248m^2 (loại đất CLN), mang tên hộ ông Mai Văn B và các tài sản khác gồm một nhà ở cấp bốn 80 m^2, công trình phụ 30 m^2 xây dựng trên thửa phần đất khác liền kề (đã tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa tách thửa) với phần đất đã thế chấp. Do phần tài sản là công trình xây dựng không nằm trên phần đất đã thế chấp, tài sản này hiện là chỗ ở duy nhất của cả gia đình ông B nên Quỹ tín dụng không yêu cầu xử lý đối với phần tài sản thế chấp là các công trình xây dựng mà chỉ yêu cầu đối với

quyền sử dụng đất đã thế chấp. Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng về việc không yêu cầu xử lý đối với các công trình xây dựng là tự nguyện, không trái pháp luật cần chấp nhận. Vì vậy, trường hợp anh Th, chị E không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng nêu trên để thu hồi nợ.

[5] Đối với phần lán dại diện tích khoảng 6 m^2 do ông Mai Văn G, bà Hoàng Thị K tự ý xây dựng trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Mai Văn B, bà Nguyễn Thị D đã thế chấp, không được sự đồng ý của Quỹ tín dụng nên việc xây dựng là trái phép. Quá trình giải quyết vụ án, ông G, bà K nhận tháo dỡ nhưng đến thời điểm xét xử chưa tự nguyện thực hiện. Do đó, xét cần buộc ông Mai Văn G, bà Hoàng Thị K phải tháo dỡ phần lán dại xây bi, lợp proximang diện tích khoảng 6 m^2 đã xây dựng trên phần đất phía Tây Nam thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10, diện tích 248m^2 (loại đất CLN), mang tên hộ ông Mai Văn B.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân V.

1. Buộc vợ chồng anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng số nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và nợ lãi tính đến hết ngày 22-10-2019 là 83.107.000đ (tám ba triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng) trong đó lãi trong hạn 58.085.000đ, lãi quá hạn 25.022.000đ.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa B toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 138/HĐCV ngày 15-3-2017 cho đến khi B toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng thì lãi suất mà anh Th, chị E phải tiếp tục B toán cho quỹ tín dụng nhân dân V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân V.

3. Trong trường hợp vợ chồng anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E không trả gốc và lãi cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền

xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 10 xã HV, diện tích 248m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W875081, ngày 01-12-2003, mang tên hộ ông Mai Văn C. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ cH anh Th, chị E còn phải tiếp tục thi hành phần nghĩa vụ chênh lệch còn thiếu đối với Quỹ tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

4. Buộc ông Mai Văn G, bà Hoàng Thị K phải tháo dỡ phần lán xây bi, lợp proximang, diện tích khoảng 6 m^2 xây dựng trên phần đất phía tây nam thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10, diện tích 248m^2 (loại đất CLN), mang tên hộ ông Mai Văn B.

5. Về án phí: Vợ chồng anh Mai Văn Th, chị Bùi Thị E phải nộp 19.155.000đ (mười chín triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000492 ngày 03-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự:;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã HV;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng:

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Hòe